TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 96/2026/DS-ST Ngày: 12/02/2026 V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Huỳnh Long Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Công
2. Ông Cao Thanh Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu - Thư ký Tòa án khu vực 6 - Gia Lai.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đình Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 137/2026/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị H, sinh năm 1972; Căn cước công dân số 052172025426 do Bộ C cấp ngày 28/8/2025 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường H, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1966; Căn cước công dân số 052066018906 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/9/2022 (Vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1964; Căn cước công dân số 052164005819 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/4/2024 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố C, phường H, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại*

phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Ngô Thị H trình bày:

Vào ngày 22/9/2022 (âm lịch) bà Ngô Thị H có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn N bà Nguyễn Thị P vay số tiền 150.000.000đồng; sau đó vào ngày 27/01/2016 (âm lịch) bà H có cho vợ chồng ông N bà P vay số tiền 42.400.000đồng; tổng cộng cả hai lần ông N bà P vay của bà H số tiền 192.400.000đồng. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng chỉ thỏa thuận miệng với mức lãi suất 3%/tháng và không xác định thời hạn trả nợ. Thời gian qua bà H đã nhiều lần yêu cầu ông N bà P phải trả cho H số tiền mượn hiện còn nợ nhưng ông N bà P vẫn không trả. Nay bà H chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông N bà P phải trả cho tôi số tiền 192.000.000đồng và phải thanh toán lãi chậm trả kể từ ngày mượn cho đến nay với mức lãi suất 1%/tháng.

Tại phiên tòa, bà H xin rút yêu cầu về việc yêu cầu vợ chồng ông N bà P phải trả lãi suất chậm trả với mức lãi suất 1%/tháng; bà H chỉ yêu cầu ông N bà P trả cho bà H số tiền nợ gốc là 192.000.000đ (Một trăm chín mươi hai triệu đồng).

- *Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn N bà Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tố tụng ông N bà P đều trình bày:* Vợ chồng ông N bà P thống nhất vào ngày 22/9/2015 (âm lịch) vợ chồng ông N bà P có vay của bà H số tiền 150.000.000đồng; sau đó vào ngày 27/01/2016 (âm lịch) có mượn tiếp của bà H số tiền 42.400.000đồng; tổng cộng vợ chồng ông N bà P có vay của bà H số tiền 192.400.000đồng đến nay chưa trả. Khi vay tiền hai bên có viết giấy nợ, không ghi lãi suất nhưng giữa hai bên có tự thỏa thuận miệng với nhau. Nay bà H chỉ yêu cầu vợ chồng ông N bà P phải trả nợ số tiền 192.000.000đồng, vợ chồng ông N bà P thống nhất nợ và chấp nhận trả nợ gốc cho bà Ngô Thị H nhưng hiện tại kinh tế khó khăn nên không có tiền để trả nợ ngay cho bà H. Về tiền lãi chậm trả thì vợ chồng ông N bà P xin không phải trả lãi vì do làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn nên vợ chồng ông N bà P không có tiền để trả tiền lãi cho bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

+ Căn cứ các Điều 463, 465, 466, khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015

+ Căn cứ Điều 27, khoản 2 Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình;

+ Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án". Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị H, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà H số tiền 192.000.000đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thị H về việc buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn N bà Nguyễn Thị P phải trả lãi trên số tiền còn nợ.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N, bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông N, bà P là người cao tuổi nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền vay còn nợ theo hợp đồng vay tài sản giữa bà Ngô Thị H với bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị P do vậy xác định đây là tranh chấp dân sự, về quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại tổ dân phố C, phường H, tỉnh Gia Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Việc vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập trước ngày 01/01/2017 thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 tuy nhiên về nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 nên áp dụng điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 thì thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật dân sự 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Ngày 22/9/2015 (âm lịch) bà P ông N có mượn bà H số tiền 150.000.000đồng; sau đó ngày 27/01/2016 (âm lịch) ông N bà P có mượn tiếp bà H số tiền 42.400.000đồng; tổng cộng ông N bà P đã mượn của bà H số tiền 192.400.000đồng; cả hai lần mượn đều có viết giấy mượn tiền và xác nhận. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà H đã cung cấp cho Tòa án bản gốc Giấy nợ viết ngày 22/9/2015 và ngày 27/01/2026 (âm lịch) nội dung của Giấy nợ ông N bà P có mượn của bà H

150.000.000đồng và 42.400.000đồng; không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả nợ; Do đó đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi được quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự. Kể từ khi mượn đến nay ông N bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phát sinh tranh chấp. Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, và chỉ yêu cầu Nết bà P phải trả cho bà H số tiền 192.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà P ông N đều thừa nhận hiện còn nợ bà H số tiền 192.000.000đồng. Như vậy, lời thừa nhận nợ của bà P, ông N và yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô Thị H tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với nhau, khớp với các tài liệu chứng cứ thu thập được. Nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, hiện nay ông N bà P còn nợ bà H số tiền 192.000.000 đồng là đúng sự thật. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc vợ chồng ông N bà P phải trả cho bà H số tiền 192.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Về lãi suất: Tại phiên Tòa, đại diện nguyên đơn rút yêu cầu. Do vậy, căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

[3] Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai tham gia phiên toà về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn vợ chồng ông N bà P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật nhưng ông N, bà P là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông N, bà P được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 27, khoản 2 Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn N bà Nguyễn Thị P liên đới phải trả cho bà Ngô Thị H số tiền 192.000.000đ (Một trăm chín mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ yêu cầu trả lãi đối với số tiền gốc chậm trả.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Nguyễn Văn N bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông N, bà P là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

Hoàn trả cho bà Ngô Thị H số tiền 12.750.000đ (Mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006199 ngày 08/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 6 - Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Long Nhiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM	THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA